

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/HS-ST
Ngày: 13/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn;
2. Ông Nguyễn Ngọc Vân.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2017/HSST ngày 28 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/HSST-QĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Văn D**, sinh năm 1987.

STQ: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hóa: 9/12.

Con ông Đỗ Văn D1 - sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Th1 - sinh năm 1964.

Vợ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988.

Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2011.

Anh chị em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con cả.

Tiền án: Ngày 24/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên - tỉnh Bắc Giang xử phạt 9 tháng tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Tiền sự:

+ Ngày 24/3/2016 bị Công an huyện Việt Yên - tỉnh Bắc Giang xử phạt 500.000 đồng về hành vi "*Sử dụng trái phép chất ma túy*".

Nhân thân:

+ Ngày 14/6/2011 bị Chủ tịch UBND huyện Việt Yên ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp hành chính đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc.

+ Ngày 17/6/2011 bị Công an phường Trần Phú - thành phố B xử phạt 500.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/2/2017 đến ngày 21/5/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại. Có mặt.

*** Người bị hại:**

1. Ông Nguyễn Văn V – sinh năm 1963(có mặt).

Trú quán: Thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Dương Xuân Q – sinh năm 1994 (có mặt).

Trú quán: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Thân Văn Đ – sinh năm 1993 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú quán: Thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn L – sinh năm 1990 (vắng mặt).

Trú quán: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Mạnh Tr – sinh năm 1982 (có mặt).

Trú quán: Số 134, đường M, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Hoàng Thế A – sinh năm 1988 (vắng mặt).

Trú quán: Số 02, ngõ 36, đường C, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Vũ Văn T2 – sinh năm 1972 (vắng mặt).

Trú quán: Phố Đ, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

5. Chị Trần Thị Th – sinh năm 1989 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú quán: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

6. Ông Đỗ Văn D1 – sinh năm 1962 (có mặt)

Trú quán: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

7. Ông Trịnh Hồng Th3 – sinh năm 1961 (vắng mặt)

Trú quán: Thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

8. Anh Nguyễn Văn B – sinh năm 1985 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú quán: Thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đỗ Văn D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 24 giờ ngày 29/01/2017, Đỗ Văn D - sinh năm 1987, trú quán: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang đến nhà anh Vũ Văn Th2 - sinh năm 1986 ở cùng thôn chơi. Tại đây, D gặp anh Dương Xuân Q - sinh năm 1994, trú quán: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Qua nói chuyện, D biết anh Q có đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát: 98K1- 026.62 (xe do anh Q mượn của anh Nguyễn Văn L - sinh năm 1990, trú quán: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang). Lúc này, do không có tiền ăn tiêu cá nhân, D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của anh Q. Đến khoảng 01 giờ ngày 30/01/2017, anh Q xin phép đi về. Thấy vậy, D bảo anh Q cho đi nhờ xe về nhà. Khi đi đến cổng nhà văn hóa của thôn K, xã Q, D nói dối anh Q cho D mượn xe mô tô để D đi vào nhà bạn ở trong ngõ có việc rồi quay lại trả ngay. Do tin lời D nói là thật, anh Q đã giao cho D xe mô tô biển kiểm soát 98K1-026.62. Sau đó D điều khiển xe đi đến thành phố B vào một quán Internet (Duy không nhớ địa chỉ) chơi điện tử, đến khoảng 11 giờ D điều khiển xe đến quán Internet của anh Nguyễn Mạnh Tr - sinh năm 1982 ở Ki ốt C13, chợ T, phường N, thành phố B thỏa thuận vay của anh Tr 6.000.000 đồng và nói với anh Tr “*đây là xe của em, em để lại xe mô tô làm tin*”. Số tiền này D đi ăn tiêu cá nhân hết. Khoảng 17 giờ cùng ngày, do hết tiền nên D gọi điện thoại di động cho anh Tr hỏi vay thêm 3.500.000 đồng. Anh Tr đồng ý và bảo D mang giấy tờ xe quay lại quán lấy tiền. Đến 17 giờ 30 phút, D đến quán thì anh Tr bảo anh Hoàng Thế A - sinh năm 1988 là nhân viên của quán đưa cho D 3.500.000 đồng và gọi xe taxi đưa D về nhà để lấy giấy tờ xe mô tô mang lên cho anh Tr. Khi lái xe taxi đưa D về đến ngõ rẽ vào nhà, D bảo lái xe đợi rồi bỏ đi. Lái xe taxi chờ lâu không thấy D quay lại nên quay về quán lấy tiền cước xe, anh Thế A đã dùng tiền của quán Internet trả cho D. Trong thời gian D để lại xe mô tô chiếm đoạt được của anh Q cho anh Tr làm tin, anh Thế A đã tháo biển kiểm soát 98K-026.62 của chiếc xe này ra và lắp biển kiểm soát 98B1-625.50 do anh nhật được trên đường nay không nhớ địa điểm và sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi lại.

Ngày 31/01/2017, không còn tiền để chi tiêu cá nhân, D có ý định chiếm đoạt tiền của anh Q nên gọi điện thoại di động cho anh Q nói là D đã cầm chiếc xe mô tô trên đang thiếu tiền chuộc và bảo anh Q đưa cho D 2.000.000 đồng để D đi chuộc xe. Khoảng 11 giờ cùng ngày, anh Q tin D nói thật nên nhờ anh Nguyễn Thái H - sinh năm 1990, trú quán: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, là bạn của D đưa anh Q đến gặp D tại ngã ba thôn K, xã Q. Tại đây, anh Q đưa cho D 2.000.000 đồng để D đi chuộc xe. Sau khi nhận tiền của anh Q, D không đi chuộc xe mà ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 14/02/2017, khi biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K1-026.62 là do D phạm tội mà có nên anh Nguyễn Mạnh Tr đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Bắc Giang: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter đeo biển kiểm soát 98B1-625.50 và 01 biển kiểm soát 98K1- 026.62.

Ngày 20/02/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bắc Giang đã triệu tập Đỗ Văn D lên làm việc. Tại đây, D xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và khai nhận ngoài việc chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên, Đỗ Văn D còn thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 9 giờ ngày 08/01/2017, Đỗ Văn D một mình đi xuống nhà anh Nguyễn Văn T3 - sinh năm 1986 ở Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang chơi. Tại đây, D gặp ông Nguyễn Văn V - sinh năm 1963, trú quán: Thôn N, thị trấn N, huyện V. D giới thiệu mình tên là H4 nhà ở thành phố B. Qua nói chuyện, D biết ông V có đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 98N7-4899 (mượn của ông Trịnh Hồng Th3 - sinh năm 1961 ở cùng thôn) nên D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của ông V. D nói dối ông V là cho D mượn xe để D đi mua bao thuốc lá. Do tin lời D nói nên ông V đã giao chìa khóa và xe cho D mượn. Sau khi mượn được xe, D điều khiển xe đi thẳng đến thị xã T, tỉnh Bắc Ninh vay của anh Vũ Văn T2 - sinh năm 1972 ở phố Đ, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh 2.500.000 đồng và để chiếc xe mô tô lại nhà anh T2 để làm tin. Số tiền trên D đã ăn tiêu cá nhân hết .

Ngày 21/02/2017, khi biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98N7-4899 là do D phạm tội mà có nên anh T2 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Bắc Giang.

Vụ thứ hai: Ngày 03/02/2017, Đỗ Văn D thuê anh Thân Văn Đ - sinh năm 1993, trú quán: Thôn P, xã Đ, thành phố B (là lái xe taxi của hãng taxi M) chở D đi công việc. Quá trình đi xe, D biết anh Đ có chiếc điện thoại di động iPhone 6 Plus. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, do không có tiền ăn tiêu cá nhân, D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của anh Đ nên D gọi điện đến tổng đài hãng taxi M yêu cầu tổng đài cho người lái xe chở D buổi sáng đón D ở thành phố B chở về nhà ở thôn K, xã Q, huyện V. Khi về gần đến đường ngõ rẽ vào nhà, D nói dối anh Đ là D không có tiền trả cước taxi và bảo anh Đ cho D mượn điện thoại di động để D vào nhà bảo bố gọi điện cho cô ruột trả tiền cước taxi cho D. Anh Đ tin lời D nói nên đã giao chiếc điện thoại iPhone 6 Plus cho D. Sau đó, D đi vào trong nhà. Khoảng 5 phút sau, D giấu chiếc điện thoại của anh Đ ở trong túi quần đang mặc đi ra và nói với anh Đ “*điện thoại bố anh đang nói chuyện với cô hỏi vay tiền, đợi anh đi lấy tiền về trả*” rồi bỏ đi luôn. Số tiền cước taxi D phải trả anh Đ là 900.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại của anh Đ, D đã bán cho chị Trần Thị Th - sinh năm 1989 ở thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang lấy 3.500.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên, D đã ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 22/02/2017, chị Trần Thị Th đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động iPhone 6 Plus cho Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Bắc Giang.

Ngày 22/2/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên tiến hành định giá tài sản và kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 98K1-026.62 trị giá 19.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 98N7-4899 trị giá 7.500.000 đồng; 01 điện thoại di động iPhone 6 Plus màu gold trị giá: 7.650.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là: 34.150.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 49/KSĐT ngày 26/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Đỗ Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng

người, đúng tội không oan. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên cáo trạng truy tố và luận tội đối với bị cáo. Đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Văn D phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn D: từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ số ngày bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (ngày 20/2/2017 đến ngày 21/5/2017).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 28 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh Tr số tiền 11.000.000 đồng, bồi thường cho anh Q số tiền 2.000.000 đồng, bồi thường cho anh T2 số tiền 2.500.000 đồng, bồi thường cho anh Đ số tiền 900.000 đồng, bồi thường cho chị Th số tiền 3.500.000 đồng, bồi thường cho ông V 2.500.000đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai nhận tội của bị cáo Đỗ Văn D tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian xảy ra vụ án. Điều đó có đủ căn cứ để kết luận bản Cáo trạng số 49/KSĐT ngày 26/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Đỗ Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội không oan.

Từ tháng 01/2017 đến tháng 02/2017, Đỗ Văn D - sinh năm 1987, trú quán: Thôn K, xã Q, huyện V đã một mình thực hiện 04 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá là: 36.150.000 đồng. Cụ thể như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 08/01/2017, tại nhà anh Nguyễn Văn T3 - sinh năm 1986 ở thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Đỗ Văn D dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm sát 98N7-4899 trị giá 7.500.000 đồng của ông Nguyễn Văn V - sinh năm 1963, trú quán: Thôn N, thị trấn N, huyện V. Sau khi lấy chiếc xe của ông V, D điều khiển xe đi thẳng đến thị xã T, tỉnh Bắc Ninh vay của anh Vũ Văn T2 - sinh năm 1972 ở phố Đ, phường Đ,

thị xã T, tỉnh Bắc Ninh 2.500.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô của ông V làm tin. Toàn bộ số tiền trên, D đã ăn tiêu cá nhân hết.

Khoảng 01 giờ 10 phút, ngày 30/01/2017, tại công nhà văn hóa của thôn K - xã Q- huyện V, Đỗ Văn D đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 98K1-026.62 trị giá 19.000.000 đồng của anh Dương Xuân Q, sinh - năm 1994, trú quán: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi lấy chiếc xe của anh Q, D điều khiển xe đến cửa hàng của anh Nguyễn Mạnh Tr - sinh năm 1982 ở Ki ốt C13, chợ T, phường N, thành phố B vay anh Tr số tiền 9.500.000 đồng và gửi lại anh Tr chiếc xe mô tô của anh Q làm tin.

Ngày 31/01/2017, D dùng thủ đoạn gian dối nói với anh Q đã cầm chiếc xe mô tô trên và bảo anh Q đưa cho D 2.000.000 đồng để D đi chuộc xe. Tuy nhiên, D không đi chuộc xe mà ăn tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 03/02/2017, tại công nhà Đỗ Văn D ở thôn K, xã Q, huyện V, D đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt 01 điện thoại di động iPhone 6 Plus trị giá 7.650.000 đồng của anh Thân Văn Đ - sinh năm 1993, trú quán: Thôn P, xã Đ, thành phố B. Sau đó D đến nhà chị Trần Thị Th - sinh năm 1989 ở thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang bán chiếc điện thoại trên cho chị Th được 3.500.000 đồng đã ăn tiêu cá nhân hết.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây hoang mang lo lắng đến đời sống công đồng dân cư. Bản thân bị cáo đã từng bị Toà án nhân dân huyện Việt Yên xử phạt về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", song bị cáo không sửa đổi mà vẫn tiếp tục phạm tội. Chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, không có ý thức sửa đổi bản thân để trở thành công dân tốt. Vì vậy, cần xử lý bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo mới có tác dụng riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, Hội đồng xét xử thấy là tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cần phân tích đánh giá như sau:

* *Xét về nhân thân bị cáo:* bị cáo có nhân thân xấu, đã hai lần bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; một lần bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Việt Yên ra quyết định về việc áp dụng biện pháp hành chính đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc.

* *Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần", "tái phạm" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

* *Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Bị cáo đã tác động đến gia đình bị cáo nộp trước 16.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên để

khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo là có căn cứ. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bắc Giang, bị cáo xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 và cũng tại phiên tòa anh Dương Xuân Q xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo là có căn cứ

Qua đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng Điều 33 Bộ luật hình sự buộc bị cáo D phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo hiện là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định, bị cáo không có tài sản gì đáng giá nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo khoản 5 điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Ngoài các hành vi phạm tội nêu trên, trong vụ án này Đỗ Văn D còn có hành vi thuê xe taxi của anh Thân Văn Đ là lái xe của hãng taxi M để chở D đi hết 900.000 đồng, nhưng ngay từ khi thuê xe D không có ý định trả cho anh Đ số tiền cước xe nêu trên, sau đó gia đình D đã nộp tiền tại Cơ quan điều tra để trả lại số tiền trên cho anh Đ. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét để xử lý hành vi này.

Đối với anh Nguyễn Mạnh Tr, anh Vũ Văn T2 khi cho D vay tiền và nhận xe mô tô D để lại làm tin và chị Trần Thị Th khi mua điện thoại di động của D: anh Tr, anh T2, chị Th đều không biết những tài sản đó là do D phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với biển kiểm soát 98B1-625.50 do anh Hoàng Thế A lắp vào xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter: anh Thế A khai chiếc biển kiểm soát này do anh nhặt được trên đường, ở chỗ nào anh không nhớ. Cơ quan điều tra đã thu giữ biển kiểm soát 98B1-625.50. Ngày 28/02/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã có Quyết định số 71 yêu cầu giám định Biển kiểm soát 98B1-625.50 là biển số thật hay giả? Ngày 13/3/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang có Kết luận số 394, kết luận: “không kết luận biển kiểm soát gửi giám định do không lưu mẫu so sánh”. Vì thế, Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, anh Tr yêu cầu D phải trả anh số tiền 11.000.000 đồng (bao gồm: tiền cước taxi: 1.500.000 đồng; tiền D vay anh Tr: 9.500.000 đồng). Anh Q yêu cầu D phải trả số tiền 2.000.000 đồng. Anh T2 yêu cầu D phải trả lại anh 2.500.000 đồng. Chị Th yêu cầu D phải trả chị 3.500.000 đồng. Bị cáo chưa bồi thường bất cứ khoản tiền nào cho người bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh Tr, anh Q, anh Đ, chị Th và áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 28 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh Tr số tiền 11.000.000

đồng, bồi thường cho anh Q số tiền 2.000.000 đồng, bồi thường cho anh T2 số tiền 2.500.000 đồng, bồi thường cho anh Đ số tiền 900.000 đồng, bồi thường cho chị Th số tiền 3.500.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Văn V tại các biên bản lấy lời khai tại Cơ quan điều tra và quá trình nhận lại tài sản ông V đều không yêu cầu bị cáo D phải có trách nhiệm bồi thường cho ông bất cứ khoản tiền gì. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông V đề nghị HĐXX xem xét buộc bị cáo D phải bồi thường cho ông tiền sửa chữa xe và tiền không đi làm được do không có phương tiện đi lại. HĐXX cho ông V và bị cáo D hòa giải và thảo thuận với nhau tại phiên tòa, sau khi hai bên hòa giải đã nhất trí bị cáo D có trách nhiệm bồi thường cho ông V số tiền để sửa xe và bù đắp một phần do việc ông V không đi làm được số tiền là 2.500.000đ. Bị cáo D và ông V đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận này của bị cáo D và ông V. HĐXX xét thấy, việc thỏa thuận của ông V và bị cáo D là không trái pháp luật nên chấp nhận là có căn cứ.

Đối với anh L, anh Đ đã nhận lại tài sản bị D chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh L, anh Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét tại vụ án này.

Đối với ông Đỗ Văn D1 tự nguyện nộp trước 16.000.000 đồng thay cho bị cáo D. Ông xác định đây là tài sản riêng của ông và ông không yêu cầu bị cáo D phải trả lại ông số tiền trên. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông Dung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Tại phiên tòa bị cáo D xuất trình chứng cứ thuộc hộ cận nghèo. Vì vậy, HĐXX xét thấy theo nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo D thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên HĐXX không buộc bị cáo D phải nộp án phí HSST và án phí DSST là có căn cứ.

Ngoài ra, cần áp dụng Điều 231, 233, 234 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn D 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ số ngày bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (ngày 20/2/2017 đến ngày 21/5/2017).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 28 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh Tr số tiền 11.000.000 đồng, bồi thường cho anh Q số tiền 2.000.000 đồng, bồi thường cho anh T2 số tiền 2.500.000 đồng, bồi thường cho anh Đ số tiền 900.000 đồng, bồi thường cho chị Th số tiền

3.500.000 đồng, bồi thường cho ông V 2.500.000đ; nhưng được trừ vào số tiền bị cáo tự nguyện nộp trước tại biên lai thu số: AA/2010/008966 ngày 20/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo D.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Việt Yên;
- T.H.A.;
- Lưu HS.VP;
- Công an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hương Lan